

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 169

# QUÁN TÂM LUẬN SỚ

SỐ 1921  
(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 1921

## QUÁN TÂM LUẬN SỚ

*Sa môn Quán Đảnh ở núi Thiên Thai đời Tùy soạn.*

### QUYỂN 1

Luận gồm có ba phần: Tựa, chánh tông và lưu thông.

Từ đầu hỏi: Kinh Phật vô lượng trở xuống cho đến một năm bốn tháng, có ba trang rưỡi: luận văn và phần tựa.

Từ “Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào là bốn thứ không nói trở xuống cho đến vắng lặng không nói năng”, cả thấy 36 bài kệ là phần chánh tông.

Từ: “Nay y cứ vào quán nhất niệm trở xuống có 10 hàng 3 chữ là phần lưu thông.

Phần tựa lại chia làm hai: một là hỏi; hai là đáp.

Trong phần hỏi: gồm có năm ý: một hỏi Kinh Phật là vô lượng, hai hỏi Luận cũng rất nhiều. Ba hỏi, người mở mang đầy đầy khắp nơi. Bốn, hỏi, chúng nghe pháp không chỗ nào không có. Năm, phần hỏi kết thúc, rằng, mưa pháp rưới khắp, lợi ích vô lượng vô biên; thế thì sự thấy nghe nào, với lợi ích gì mà lại soạn luận này?

Năm ý này, mới đọc qua luận đều đã thấy, không cần giải thích thêm.

Trong phần thứ hai, phần đáp: có hai: một là bằng văn kệ trả lời ngắn gọn; hai bằng trường hàng, trả lời chi tiết đầy đủ.

Trong văn trường hàng lại chia làm hai: một với hai câu hỏi, kinh Phật vô lượng, luận cũng rất nhiều. Điều này đúng như câu hỏi, cho nên luận nói, việc đó đều đã biết. Hai hỏi vặn cho rằng ba câu hỏi kia là sai. Vì sao? Một là, chính vì người mở mang cho thêm nước vào sữa là một

lỗi. Hai là người mở mang tự mình có lỗi khiến người nghe pháp mất đi đạo vị chân thật, là một lỗi. Ba là nói do người nói, người nghe đều có lỗi cho nên bốn chúng lộn xộn, Phật pháp suy đồi.

Vì ba lỗi này mà lòng buồn thương muốn soạn luận; ý ở chỗ này.

Vì sao? Kinh nói: tướng các pháp vốn vắng lặng; không thể dùng lời nói mà trình bày được. Nay lại trình bày là muốn rằng, các vật nhờ sự tuyên bày mà thông hiểu lý trở về nguồn cội. Song, nghĩa văn kinh sâu kín nên Bồ tát soạn luận để trình bày rõ ràng hơn, giúp người học hỏi nhìn thấy mặt trăng mà quên ngón tay, lòng nghiêm tâm để lý; do vậy, trong cái không thể nói lại nói đầy đủ các pháp khiến Tam sư của Luật, Pháp và Thiền thấy rõ là sai với Thánh ý, chẳng những không thể làm sáng tỏ Tam bảo lại còn khiến cho Phật pháp bị ô nhục. Cũng do vậy, trong kinh Tượng pháp quyết nghị có nói việc Tam sư phá Phật pháp.

Hỏi: Tam sư có lỗi gì?

Đáp: Lược có 10 lỗi:

Mười lỗi của Pháp sư: (1) chỉ lo tìm hiểu ý nghĩa bên ngoài, không nội quán tu tâm. Thích luận chép: có văn không tuệ thì những điều được nói ra không nên nghe. (2) Không dung thông hội kinh, chẤm dứt sự tranh cãi để tiến đạo, chỉ cho mình đúng, người sai, ngã mạn, tự cao, không biết thấy tâm khổ tập. (3) Không theo di chúc, không nương vào bốn niệm xứ để tu đạo, không giữ gìn giới luật, chẳng phải đệ tử của Phật. (4) Kinh chép: không thiên thì chẳng có tuệ; thiên tuệ thì không có thiên; một cánh một vòng, làm sao tiến xa được. (5) Pháp vốn không thể nói; nói là phá bỏ tham cầu. Chỉ mưu cầu danh lợi mà nói, làm sao hội được Thánh ý. (6) Chú trọng nghe để nói, thì lợi ích cho việc tu tập của bản thân. Kinh chép: như người đếm bạc giúp, tự không có một đồng. (7) Không thực hành, chỉ nói và nói thì làm sao lợi ích cho người được. (8) Cho quá nhiều nước vào sữa, không có lời dạy, giáo lầm năng sinh. (9) Bốn chúng mất đi lợi ích chân thật của pháp trở nên lộn xộn. (10) Chẳng những không thể làm rạng rỡ, lại còn phá hoại Phật pháp.

Mười lỗi của Thiền sư: (1) Kinh chép: giả danh A-luyện-nhã, Áo vá tại chỗ tịnh; tự nói bấu nhân gian, nói lỗi của chúng ta. (2) Cậy vào việc thực hành của mình mà chê bai kẻ khác, không biết đó là phiền não khổ tập của giới thủ. (3) Không có tuệ mà tu định, đó là thiên mù không mắt, đâu thể ra khỏi được sinh tử. (4) Không theo di chúc, không nương vào bốn niệm xứ để tu tập; tu đạo không giữ gìn giới luật, lại dựa vào các thứ không phải của Phật. (5) Thiên mà không có tuệ, phần

nhiều kà phát khởi định quý; hiện tại pháp hoại Phật pháp, chết rồi đọa vào đực quý. (6) Ngồi thiền vì mưu cầu danh lợi chẳng khác nào phiền-đề-la, chết đọa địa ngục. (7) Dù chứng được thiền cũng bị nạn Trường Thọ thiên. (8) Thêm nhiều nước vào sữa (nhiều giáo vào thiền), đem dạy cho người học, tạo giống ba đường. (9) Bốn chúng không thấm nhuần môn chân pháp, trở nên lộn xộn. (10) Chẳng những không thể làm rạng rỡ Tam bảo, lại còn phá Phật pháp. Mười lỗi của Luật sư: (1) Chỉ chấp luật lệ bên ngoài, không biết giới luật bên trong, cho nên bị ngài Tịnh Danh quở trách. (2) Chấp chặt danh tướng của luật, tranh cãi phải trái, không biết đó là khổ tập của chấp tâm. (3) Giới, định, tuệ giúp nhau mới tiến đạo được; chỉ có Luật, thiếu tuệ, thiếu thiền, thì làm sao tấn đạo được. (4) Hoằng pháp chỉ mong cầu tiếng tăm, không có chút tâm đạo, kết quả là đọa ba đường. (5) Không theo di chúc, không nương vào niệ m xứ, không giữ gìn giới luật. (6) Chấp luật, phương tiện Tiểu giáo cho là chánh lý, khiến trở ngại lớn cho đại đạo. (7) Mỗi vị thầy chấp lấy giới luật không giống nhau, nên hoằng hóa thêm nhiều nước vào sữa. (8) Không nương vào Thánh giáo mà truyền thọ thì khiến hậu sinh nhầm lẫn. (9) Bốn chúng không thấm nhuần chân pháp trở nên lộn xộn. (10) Chẳng những không thể làm rạng rỡ Tam bảo, lại còn phá hoại Phật pháp. Song hậu sinh lại tôn sùng, theo gót tam sư nhận làm thầy dẫn đường; Thầy tà, không có đạo, đê tử làm sao chánh được. Cho nên, Kinh chép tam sư pháp Phật pháp.

Kệ nói rằng:

*Đại sư sắp Niết-bàn;  
Cha làm có di chúc  
Bốn niệ m xứ tu đạo  
Và giữ gìn giới luật.*

Bài kệ này nói đến cha lành Thích-ca Mâu-ni khiến bốn chúng nương vào bốn niệ m xứ để tu đạo; đồng thời giữ gìn giới luật. Cho nên Thích luận nói rằng, khi Đức Như Lai sắp Niết-bàn, A nan thưa hỏi Đức Phật rằng, sau khi Đức Như Lai diệt độ, các tỳ kheo nương vào đạo mà tu tập, nương vào pháp mà an trú. Phật đáp: nương bốn niệ m xứ để tu đạo, nương giới luật mà an trú...

Hỏi: Các Đức Phật vào đạo, pháp môn là vô lượng, vì sao chỉ dạy nương hai pháp đó là bốn niệ m xứ mà mộc xoa mà an trú?

Đáp: Hai pháp này tuy là sơ lược nhưng lý thì gồm nhiếp tất cả các pháp môn, nên riêng khuyên bảo. Nay, nói qua hai pháp môn này bao gồm như thế nào. Bốn niệ m xứ là tuệ tánh là con mắt; giới mộc-

xoa là chân. Kinh chép: mắt chân đầy đủ thì đến được ao mát mẻ. Lại nữa, niệm xứ là giải; mộc xoa là hạnh; niệm xứ là trí tuệ trang nghiêm, giới mộc xoa là phước đức trang nghiêm; niệm xứ là bát - nhã độ, hành (giới mộc xoa) là năm độ; niệm xứ là phép tắc quán chiếu, hành là phép tắc giúp thành; do hai phép tắc này hiển bày phép tắc chân tánh; tuệ là Niết-bàn viên tịnh, hành là phương tiện Niết-bàn tịnh; do hai thứ Niết-bàn này có công năng hiển bày Niết-bàn tánh tịnh; Tuệ là liễu nhân, hành là duyên nhân; Tuệ là đức Bát-nhã, hành là đức giải thoát; do hai đức này có công năng hiển bày thành ba đức pháp thân; niệm xứ là quán chiếu Bát-nhã, hành là phương tiện Bát-nhã; do hai giải thoát này có công năng hiển bày tánh tịnh giải thoát.

Cho nên, Tuệ niệm xứ, giới mộc xoa, tóm tắt có 10 nghĩa, vì thế đặc biệt khuyên tu. Nhưng phàm phu lại cho thân là thanh tịnh, thọ là vui, tâm là thường và pháp có ngã. Do bốn thứ điên đảo này khiến sinh khởi tham ái; do tham ái vô minh làm sinh khởi các hành, cho đến già chết, một đường khổ tập, tám mươi bốn ngàn phiến não rục cháy trong ngôi nhà năm Ấm. Cho nên kinh Pháp Hoa chép: đồng lúc bốn mặt, phùng phùng lửa dậy, tức là ví như bốn đảo. Tiểu thừa quán nhân tức quán thân bất tịnh, đối trị tịnh đảo tưởng, quán thọ là khổ, đối trị lạc đảo tưởng, quán tâm vô thường, đối trị thường đảo tưởng, quán pháp vô ngã đối trị đảo tưởng pháp tham ái. Nay, quán biết thân là bất tịnh cho đến khổ, vô ngã thì không còn khởi sinh tham ái, vô minh, hành, thức cho đến già chết. Từ đó, sông sinh tử khô cạn, sông Niết-bàn đầy lên; lớp lớp cùng nhau tranh ra khỏi nhà lửa, đến chỗ vô úy. Vì nhân duyên đó nên khuyên những người hành theo pháp Tiểu thừa, nương theo bốn niệm xứ để tu tập.

Tiếp đến, nói về niệm xứ Đại thừa. Kinh chép: phiến não tức là bồ đề, sinh tử tức là Niết-bàn; đạo bồ đề, Niết-bàn vốn vắng lặng vô tướng, chẳng phải tịnh, chẳng phải uế, chẳng phải khổ, chẳng phải vui, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, v.v... Nay, đã nói thân sinh tử tức là thân bồ đề Niết-bàn, là thể của thật tướng pháp giới chân như. Kinh chép: không hoại nơi thân mà tùy theo nhất tướng. Lại chép: quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy; tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn, không còn diệt nữa. Đây là nghĩa chẳng phải khô, chẳng phải tươi, thường ở nơi rừng song thọ, điềm nhiên vắng lặng đối với hai thứ khổ chết. Nhưng, chúng sinh ôm lấy tuệ mà lại thường đi đêm, đâu biết tri kiến của Phật ở ngay trong thân; say mèm bởi rượu vô minh nên đâu biết được hạt châu quý trong

túi áo. Do đó khuyên tu tập niệm xứ Đại thừa, quán thân chẳng tịnh, chẳng uế; quán thọ chẳng phải khổ, chẳng vui; quán tâm chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; quán pháp chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Cho nên, chẳng phải khô, chẳng phải tươi, đều quy về Niết-bàn vắng lặng hoàn toàn, an trú trong kho tàng bí mật của ba đức Niết-bàn Như Lai. Kinh chép: Đặt các con trong kho tàng bí mật, ta cũng chẳng bao lâu ta sẽ an trú mãi trong đó. Vì nhân duyên như vậy nên khuyên nương vào bốn niệm xứ để tu tập. Khuyên nương vào giới mộc xoa để tu tập, giữ giới Tiểu thừa có mười điều lợi ích: một là nhiếp tăng. Tăng là chúng, chúng có nghĩa là hòa hợp. Tuy khác nhau về nơi chốn, nhưng đều xuất gia với Phật, đều thọ giới cụ túc, tài pháp đều thâm nhiếp, không để trái ngược, đó là sự hòa. Giới vô tác giúp phát sinh định tuệ, phù hợp với vô lậu, đồng quy về nhất cực, tức là lý hòa. Hai là cực hảo nhiếp, đồng nắm thụ tịnh giới, đều giữ gìn ba nghiệp thì không bị ão hoại bởi ão tưởng, tức cực hảo nhiếp. Ba, tăng an lạc trú, do giới giữ gìn thân, miệng nên không bị các ão tưởng ão loạn, do đó Tăng được an trú trong vui. Bốn, bề gãy tâm cống cao. Năm, có hổ có thẹn được an trú trong an vui. Do có tịnh giới khiến phát sinh định tuệ, bên trong giữ gìn sự hổ thẹn đó là thành tựu được an trú. Sáu, người chưa tin thì được niềm tin thanh tịnh tức là nội phạm đặc giả danh định tuệ khiến ngoại phạm không tin tưởng. Đã tin thì làm cho niềm tin lớn thêm, tiến tu thật pháp không; được ba pháp noãn, đảnh, nhẫn, tín giải trở nên sâu xa. Tám, ngăn dứt phiền ão đời này, đây là pháp thế đệ nhất, ão chiết phục ão đầy đủ. Chín, dứt trừ cái ác đời sau, từ khổ nhẫn sơ tâm đạt được La hán kim cương tâm, do hoàn toàn dứt hoặc một cách đứng đắn. Mười, phạm hạnh tồn tại lâu dài, chữ phạm cũng gọi là tịnh, cũng nói là Niết-bàn, đây là cực quả La hán, những điều cần làm ão xong. Đây là nói về người giữ giới Tiểu thừa được mười điều lợi ích. Tức là khuyên nương vào giới luật để tu tập. Kế đến, nói về giữ giới Đại thừa, tức là giới mà người trí khen ngợi, tự tại giới, cụ túc giới, chư Ba-la-mật giới. Người giữ giới này cũng có mười lợi ích. Tên gọi giống như ở trước nhưng ý nghĩa thì rất khác. Là như thế nào? Một nhiếp tăng, tức là tăng nhất thế, Tam bảo, ba trí cùng ba đế lý hội dung, đó là nghĩa chữ Tăng. Trí soi chiếu cảnh, không cảnh thì không sáng, tức trí thuộc về cảnh, cảnh phát ra trí, không trí thì không phát, tức cảnh thuộc về trí, cảnh trí lệ thuộc dung hòa lẫn nhau, cho nên gọi là nhiếp tăng. Hai, cực hảo nhiếp: trí chiếu soi cảnh, không cảnh nào không có ở trong đó; cảnh phát ở nơi trí, không trí nào lại không trọn vẹn. Cho nên gọi là cực hảo

nhiep. Ba là Tăng an lạc trú: trí ba quán nương vào cảnh ba đế, cảnh trí tương xứng dung hòa, cho nên gọi là an lạc trú. Bốn là chiết phục người có tâm cống cao: Đắc giới Đại thừa thì có khả năng trừ dẹp được tâm cống cao thuộc hạ hoặc của ba đế. Năm, có hổ thẹn được an lạc trú: tâm thiên tức là tâm đệ nhất nghĩa thiên; quý nhân tức là người hổ thẹn với đạo phương tiện; cho nên nói hổ thẹn được an lạc trú. Sáu, khiến người chưa tin có được niềm tin thanh tịnh: người chưa tin để lý khiến đều được tin hiểu rõ ràng. Bảy, người đã tin khiến niềm tin vững chắc thêm, tăng tiến trung đạo tín. Tám, ngăn ngừa phiền não đời này: tức đầy đủ đạo Đại thừa, bẻ gãy các phiền não. (9) Dứt ác đời sau: dứt bỏ năm trú hoặc, được tâm kim cương. Mười, phạm hạnh tồn tại lâu dài: diệu giác đại Niết-bàn mới gọi là cực tịnh, tức phạm hạnh tồn tại lâu dài. Người giữ gìn giới pháp Đại thừa được mười lợi ích, cho nên khuyên phải nương vào giới luật để tu tập.

Kệ nói:

*Chúng ta chẳng phải Phật tử  
Không nhớ di chúc này  
Thừa hoãn, trong không đạo  
Giới hoãn đọa ba đường.*

Bài kệ này có bốn câu, nói những pháp luật trên, Ba sư và bốn chúng, không vâng lời Phật dạy, không tu bốn niệm xứ, tu đạo không nương vào giới luật, khiến Phật pháp bị hoại diệt, Tam bảo suy đồi. Kinh Niết-bàn chép: đối với giới hoãn, không gọi là hoãn; đối với thừa hoãn mới gọi là hoãn. Song, giới Đại thừa thì thừa và giới đều cấp, tức là thừa cấp. Vì sao? Giới này là năng động, năng xuất. Trung đạo Đại thừa, thừa này tức là giới. Vì sao? Thừa này là ngừa quấy ngăn lỗi. Thừa gấp tức giới gấp. Nay chỉ giữ gìn các giới ba quy, năm giới, mười giới, v.v... bất động bất xuất là giới thủ; quán niệm xứ năng động năng xuất là Thừa, cộng chung thành bốn câu, vả lại, giới cấp được thân trời người; giới hoãn phải làm thân bốn loài thú. Thừa cấp mới đắc đạo, thừa hoãn không thể đắc đạo. Câu đầu: thừa cấp giới hoãn, thừa cấp cho nên đắc đạo. Giới hoãn cho nên đọa ba đường. Nay trong kinh nói tứ thú thân thọ đạo, tức là nghĩa ấy. Câu hai: giới cấp thừa hoãn; giới cấp được thân trời người; thừa hoãn không thể đắc đạo. Nay được thân trời người mà không đắc đạo, tức là việc ấy. Câu ba: thừa gấp, giới gấp: nay rõ ràng có thân trời người đắc đạo là nghĩa ấy. Câu bốn: thừa hoãn, giới hoãn: nay thấy có thân trong ba đường, không đắc đạo tức là việc ấy. Kế đến nói, Tam sư và Bốn chúng không nương vào bốn niệm



xứ, tu đạo không nương vào giới luật, tức chẳng phải đệ tử Phật, không nghĩ đến di chúc của Ngài là câu thứ tư, thừa giới đều hoãn. Bên trong, tự chuốc lấy khổ độc, ngoài thời phá hủy Tam bảo, khiến người khác không tin. Trong luận có bài kệ: chúng ta chẳng phải đệ tử Phật, không nhớ nghĩ đến di chúc của Ngài, thừa hoãn thì trong không có đạo, giới hoãn đọa ba đường; do không hỏi quán tâm, khiến lòng tin của những người khác dần dần mỏng bạc.

Hỏi: Từ đây trở xuống, vì lý do gì mà luận đầu nói không biết hỏi quán tâm, các hạnh đều không thành; nếu biết hỏi quán tâm thì các hạnh đều thành chẳng?

Đáp: Kinh Bát-nhã chép: Bát-nhã, nếu dẫn dắt được năm Ba-la-mật cho đến muôn hạnh khiến có thể đạt đến quả Phật; nếu không được Bát-nhã dẫn dắt thì muôn hạnh đều là đảo tưởng tà vạy. Nay nói hỏi được quán tâm tức là tu tập Bát-nhã, tức là tu bốn niệm xứ, thành tựu trọn vẹn ba quán. Dùng quán này dẫn dắt muôn hạnh thì muôn hạnh đều chánh, nếu không thì muôn hạnh trở thành tà. Do đó, từ đầu đến cuối, luận đều nói, hỏi quán tâm.

Hỏi: bốn niệm xứ, thân là sắc pháp, làm sao nói là tâm tà?

Đáp: Kinh chép: trong ba cõi, không có pháp nào khác, tất cả đều do một tâm hiện bày ra cả.

Lại chép: tâm như người họa sĩ, vẽ ra các thứ năm Ấm. Cho nên biết rằng, tâm là gốc.

Kệ nói:

*Không cho quạ đen ăn  
Đâu báo ơn quạ trắng  
Chẳng phải ruộng không tốt  
Không hạt giống bình đẳng.*

Bài kệ này nói, không quán Niệm xứ tức là không có hạt giống bình đẳng; không an trú trong Ba-la-đề-mộc-xoa tức là không có ruộng tốt. Vì sao? Vì người quán Đại thừa niệm xứ, quán thân năm Ấm sinh tử chẳng phải khô, chẳng phải tươi, tức Niết-bàn vắng lặng. Kinh chép: Sắc giải thoát Niết-bàn cho đến thức cũng giải thoát Niết-bàn. Biết tu quán niệm xứ này tức là quán tất cả sáu đường chúng sinh đều là thường, lạc, ngã, tịnh đại Niết-bàn, đầy đủ tri kiến của Phật. Như Thường bất khinh thành tựu viên tín. Kinh chép: Bồ thí cho người nghèo khổ nhất trong thành ngang với bồ thí cho Như Lai Nan Thắng. Thế thì đâu có phân biệt ruộng hay không phải ruộng đáng thí hay không đáng thí đâu. Cho nên quán niệm xứ tức là hạt giống bình đẳng; nếu không tu thì thấy

sinh tử và Niết-bàn khác nhau, phàm Thánh khác nhau. Thánh là kính điền, nên tôn sùng kính mến cúng dường; phàm là bi điền, nên thấp hèn không đáng thí xả, cho nên không có hạt giống bình đẳng. Nay lấy vua mà ví dụ, dụ cho không có hạt giống bình đẳng. Vì sao? Vì ngày xưa, có một vị vua, trong một cuộc đi chơi, đã nằm nghỉ trong đám cỏ, sắp bị rắn cắn. Bấy giờ, có một con quạ trắng bay đến mổ một cái; Vua tỉnh thức, về cung. Sau đó, lệnh cho các quan trong triều, tìm con quạ trắng kia, để đền ơn nó. Các quan trong triều thưa, nếu tìm quạ trắng thì không biết đâu mà tìm, nhà vua nói cho tất cả quạ đen ăn tức là đền ơn quạ trắng. Mượn quạ trắng để dụ cho bậc Thánh, quạ đen dụ cho phàm phu; vua dụ cho chúng sinh là người không biết tu hạt giống niêm xứ bình đẳng. Từ đó phân biệt hai loại ruộng là bi điền và kính điền. Song, phàm phu, trong không có hạt giống bình đẳng, đạo viên quán cứ ở bên ngoài, thì không thể thành Phật, hóa độ Đại thừa, nói pháp bình đẳng cũng đâu báo được ơn Phật. Lại nữa, còn phá hủy giới cấm của Như Lai thì không có ruộng tốt. Việc này như kệ nói:

*Nếu không rưới mưa pháp  
Giống pháp sẽ tiêu khô.*

Nửa bài kệ này nói về căn cơ bốn chúng không có giới và tuệ nên Thánh không thể ứng được. Vì sao? Vì kinh Niết-bàn chép: Thuần đà tự nói, thân này của con là mảnh ruộng tốt, không bị bỏ hoang, cúi mong Đức Như Lai rưới mưa pháp cam lồ lên thân con khiến nảy sinh mầm giống Phật pháp. Bốn chúng không nương vào niêm xứ tu tập thì không có giống tuệ; không an trú trong mộc xoa thì không có ruộng tốt. Không có hạt giống thì chúng sinh không có cơ hội cảm ứng bậc Thánh, làm sao có được mưa pháp; mầm giống Phật tánh nơi chúng sinh làm sao khởi khô.

Kệ nói:

*Không tư lương đời sau  
Mất ba lợi, còn khổ  
Đại pháp sắp suy đồi  
Buồn thay, thấy việc đó.*

Bài kệ này nói, trong không có căn cơ tốt, ngoài không có mầm giống pháp để ứng với bậc Thánh. Khô thì mất đi ba cái vui lợi ích của Niết-bàn; chẳng những mất đi ba cái lợi như vậy mà còn chuốc lấy sự khổ trong ba đường. Cho nên, pháp không có người mở mang khiến ngày càng suy đồi. Buồn thay.

*Vì nhân duyên như vậy*

*Nên soạn luận Quán tâm.*

Đây là nửa bài kệ kết thúc đoạn trên.

Kệ nói:

*Nếu biết hỏi quán tâm  
Không đi không đến được  
Nếu biết hỏi quán tâm  
Đi được và đến được.*

Từ đây trở xuống năm bài kệ nói về việc tín thuận di chúc của đấng cha lành, là đệ tử chân chánh của Phật. Trái với mê ở trước, ở đây là giải hành. Nói chân pháp giới bình đẳng, không thể đi, không thể đến, nhưng, lý trung đạo chân pháp giới vắng lặng, vô tướng, vô vi, vô nhân, vô pháp, phi cảnh, phi trí, đâu có người năng hành, pháp năng đáo. Tuy vô hành, vô đáo nhưng nếu hết lòng tu tập trọn vẹn bốn niệm xứ ba quán thì đạt đến rốt ráo Niết-bàn ở bờ bên kia.

Kệ nói:

*Tức bốn niệm xứ này  
Khéo an trú mộc xoa  
Thừa gấp, trong có đạo  
Giới gấp sinh trời, người  
Đây là chân Phật tử  
Không trái lời cha dặn.  
Trời rộng đều vui mừng  
Tất cả đều ưa thích.*

Hai bài kệ này nói, người biết hỏi quán tâm, không đi mà đi; không đến mà đến, tức là nương vào bốn niệm xứ, khéo an trú trong mộc xoa. Có tu tập niệm xứ tức thừa cáo, bên trong có đạo; khéo an trú trong mộc xoa tức là giới gấp, sinh về trời người. Đó chính là hữu hành, hữu giải.

Y giáo tu tập, lý là chân Phật tử. Không trái lời dặn của cha lành, người này đầy đủ hai đức tự hành và hóa tha; tất cả trời rộng ẩn hiện đều nhờ đó mà được độ. Do vậy mà ưa thích.

Kệ nói:

*Để đèn ơn quạ trắng  
Cho khắp quạ đen ăn  
Đã có mảnh ruộng tốt  
Có hạt giống bình đẳng  
Mưa pháp đúng thời rưới  
Giống pháp đều lớn lên*

*Có tư lương đời sau,  
Đều được ba lợi lạc.*

Hai bài kệ này nói:

*Có hạt giống bình đẳng  
Lại có mạnh ruộng tốt  
Cho khắp quạ đen ăn,  
Tức đền ơn quạ trắng.*

Vì sao? Vì Phật là bậc Thánh giác ngộ chúng sinh khiến ba thứ phiền não răn độc khỏi nhiều hại, cũng giống như quạ trắng thức tỉnh nhà vua, khỏi bị răn độc làm hại. Kinh chép: theo giáo pháp tu hành gọi là báo đền ơn Phật; thường giúp Phật tuyên hóa cũng gọi là báo đáp ơn đức bậc Thánh. Nay, hành giả đối với niệm xứ quán tuệ; an trú trong mộc xoa tức là y giáo tu hành gọi là báo đền ơn Phật. Lại nữa, lấy sự tu hành của mình mà hoằng hóa chúng sinh, tức là cho khắp quạ đen ăn. Đó cũng là báo ơn quạ trắng vậy. Lại nữa, có ruộng giới tốt, có hạt giống tuệ, cơ có hành có giải sẽ được cảm ứng bậc Thánh, cảm ứng thì được lợi ích. Vì nhân duyên như vậy, nên soạn luận Quán tâm.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Muốn nghe đạo vô thượng  
Nếu không hỏi quán tâm  
Văn tuệ không thành được.*

Từ đây trở xuống ba bài kệ nói muốn cầu được ba tuệ, nếu không biết hỏi quán tâm thì cả ba tuệ đó không thể thành tựu. Vì sao? Vì người tu quán niệm xứ thật tướng tuệ thì biết, tánh của văn tự là lia, vô hình vô tướng, tức là giải thoát. Kinh chép: không lia văn tự mà nói giải thoát. Nhưng dùng văn tự, tuy có nhưng không thật. Văn tự tức là giải thoát. Tuy không nhưng chẳng phải là trống rỗng cho nên cũng có thể giảng nói. Vì hữu vô ở trong thường nên văn tự chẳng phải tuyên, chẳng phải giải thoát. Đây chính là cảnh của văn tự, có công năng phát sinh quán huệ của ba trí. Dùng diệu tuệ này gom chung thần nhĩ. Tất cả ngôn ngữ âm thanh của giáo lý đều thành văn tuệ.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Muốn nghĩ đạo vô thượng  
Không biết hỏi quán tâm  
Tư tuệ sẽ không thành.*

Tư: là suy nghĩ văn tự năng thuyên, sở thuyên đều là thật tướng

trung đạo. Nhưng vì thật có đó tức là không; muôn pháp không thể có tướng của nó, vì là giả có. Các pháp không thể đoạn diệt, trong đó không có lý do, nên thường xa lìa hai bên. Cho nên, lý ba đế của văn tự, phát khởi tròn đầy sự suy nghĩ của ba tuệ, cho nên nói là tứ tuệ. Tự tuệ chẳng có tướng, cũng không phải là vô tướng; Tướng, vô tướng đều không thật có; rốt ráo hoàn toàn vắng lặng; cảnh trí bất khả tư nghĩ gọi là tứ tuệ.

Kệ nói:

*Các người đến cầu pháp  
Muốn tu đạo vô thượng  
Nếu không hỏi quán tâm  
Tu tuệ không thành được.*

Bài kệ này nói về tu tuệ: Tu là nghiên tầm thật lý, hướng đến hành dụng; do vì thật lý, tuy chiếu soi nhưng lại vắng lặng; do đó nói, không nhân ngã, không người thọ nhận. Tuy vắng lặng mà lại chiếu sáng, do đó siêng năng tu tập muôn điều lành. Kinh nói: nghiệp thiện ác không mất đi đâu cả, vì thật lý chính là trung; do đó, phước tuệ không hai, hai tướng không thật có. Kinh chép: là phước đức nên không trú trong vô vi; vì trí tuệ nên không trú ở hữu vi; hữu vi, vô vi đều không thật có. Lại nữa, văn tuệ lấy 12 bộ kinh làm cảnh, ở nơi văn mà hiểu nghĩa; tư tuệ và văn nghĩa hợp thành cảnh, tìm văn mà lấy được nghĩa lý. Tu tuệ chỉ lấy nghĩa làm cảnh, quên văn lấy lý.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Siêng tu bốn Tam-muội  
Không biết hỏi quán tâm  
Khốn khổ không được gì.*

Bài kệ này nói về bốn thứ Tam-muội. Sau sẽ nói, Bốn thứ Tam-muội tuy thực hành khác nhau nhưng đều lấy tuệ của viên quán niệm xứ làm thể. Kinh nói: gieo trồng cội gốc phước đức là nhân của Bát-nhã trong sáu độ, để làm thầy dẫn đường, đều được gọi là Ba-la-mật, đến bờ Niết-bàn bên kia. Nay không tu quán tuệ niệm xứ, hướng dẫn Tam-muội cho bốn chúng, tuy khổ nhọc thân tâm, nhưng chẳng được lợi ích gì. Do đó ngoại đạo, tuy gieo trồng các thứ khổ hạnh, vẫn không có đạo Bát-nhã, không thoát khỏi ba đường. Nay, không có tuệ, chỉ khổ hạnh thì chẳng khác gì ngoại đạo kia. Kinh nói: cũng không rơi vào khổ hạnh vô ích của thế gian tức là vậy.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Được nghe nhiều hiểu rộng  
Không biết hỏi quán tâm  
Chưa được chân pháp lạc.*

Bài kệ này nói về người nghe, chuyên tâm để ý ngôn từ, không biết tìm tòi nghĩa lý, là lỗi vậy. Vì sao? Vì kinh chép: sinh sinh không thể nói cho đến bất sinh bất sinh đều không thể nói. Tướng các pháp vốn vắng lặng, không thể dùng ngôn ngữ để giảng bày; nay phương tiện giảng bày, lý nằm ngoài ngôn từ. Cũng như y phương là duyên bên ngoài giúp trừ bệnh. Nếu người học chỉ lo cầu danh chấp tướng, rồi tự thị khinh người, thêm lớn ngã mạn, không tu bốn niệm xứ, nội quán chiếu để soi thấy rõ ràng lý ở ngoài lời nói, trừ bệnh phiền não, thì có ích gì. Như tìm cách chữa bệnh mà không chịu uống thuốc thì chẳng có ích gì cho việc trị bệnh. Nếu đã bệnh thì phải uống thuốc mới lành; người học phải nội quán mới đắc đạo được.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Tu Tam-muội, được định  
Không biết hỏi quán tâm  
Thiền mù, không thấy gì.*

Bài kệ này nói về thiền mà không có tuệ thì không có sở kiến nào. Kinh chép: phi trí thì không thể là thiền; phi thiền thì không thể là trí; hai thứ định và tuệ giúp nhau mới có thể tiến xa được. Chỉ vận dụng thiền, không tuệ thì không thể vượt qua được biển sinh tử. Vì sao? Vì tu tập bốn thiền, tám định, Thích Luận đều nói rằng, đó là nạn Trường Thọ thiền, không thể đắc đạo. Huống gì thứ định cạn cạn, rốt không lại không có tuệ, làm sao không gọi là thiền mù được. Còn như, Nhị thừa tu quán luyện các thiền vô lậu Tam-muội, nhập định diệt tận còn bị ngài Tịnh Danh quở trách rằng: Hễ ngồi yên thì không ở nơi ba cõi hiện thân ý, vẫn còn là mù, không hiểu biết gì. Nếu người biết hỏi quán tâm, tu Tam-muội định, tức là Tam-muội Thủ lăng nghiêm. Vì sao nay tuy quán không mà không trống rỗng, soi hữu mà không thật; vì soi hữu mà không thật có nên chiếu soi mà thường vắng lặng, tức động mà thường tịnh, không ở trong ba cõi hiện thân ý. Quán không mà trống rỗng, tức vắng lặng mà thường chiếu soi, cũng là tịnh mà thường động, tức định không khởi diệt, hiện các oai nghi; đó là chiếu soi mà thường vắng lặng, là phi hữu; vắng lặng mà thường chiếu soi là phi vô. Thế thì, phi hữu, phi vô, phi tịch, phi chiếu gọi là Trung đạo, tức Tam-muội Thủ

lãng nghiêm. Do đó, Tịnh Danh đem viên quán, định Thủ lãng nghiêm, vận hỏi Thân Tử. Ngồi yên không thành tức là thiền mù, không thấy biết gì. Huống nữa, bây giờ, với thứ thiền vô tuệ làm sao không bảo là mù được.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Muốn sám hối các tội  
Không biết hỏi quán tâm  
Tội chẳng trừ hết được.*

Bài kệ này nói, không biết hỏi quán tâm thì sám hối, tội lỗi cũng không thể hết được. Song, sám hối có ba cách, một là tác pháp sám hối, nhưng trong luật đã nói rõ, tùy theo tội đã phạm nặng nhẹ; hoặc đối thứ tác pháp; hoặc hai mươi vị tăng xuất tội tác pháp, pháp thành thì nói là tội diệt. Pháp sám này trái với pháp sám tội vô tác. Hai là, quán tướng sám, như trong Kinh Phương đẳng Pháp Hoa nói về bán hành bán tọa sám pháp; v.v... quán thấy được tướng hảo, hoặc trên hư không có tiếng nói tội đã tiêu trừ v.v... tức là tội diệt. Đây là pháp sám tánh tội. Ba là quán vô sinh sám. Kinh nói: ngồi ngay ngắn, nghĩ đến thật tướng, các tội như sương mù, mặt trời tuệ có công năng tiêu trừ, đây là pháp sám các tội phiền não.

Hỏi: ba pháp sám tội này có gì khác nhau? Đáp: Đại luận chép: như cắt cỏ, đoạt mạng chúng sinh, tuy đồng phạm tội ba dật đề, nếu khi đối thủ sám hối, cả hai là vô tác, tội chướng đạo tiêu trừ, nhưng quả báo sát sinh vẫn không thể hết. Nên biết rằng, sát sinh thuộc tánh tội, bất luận thọ giới hay không thọ giới, nếu phạm thì mắc tội; về giới chặt cỏ, người có thọ thì phạm mới bị tội, không thọ thì không có tội. Các giới khác cũng giống như vậy. Nên biết, hai tội khác nhau. Tội Phiền não làm chướng lý hoặc, thuộc về tội phiền não. Như vậy, ba tội khác nhau thì ba cách sám hối cũng khác nhau.

Hỏi: Tác pháp sám hối không thể trừ được tánh tội; quán tướng sám cũng không thể diệt, vậy trái với vô tác tội chướng ư?

Đáp: Thắng có công năng bao gồm liệt. Vô sinh sám lệ theo đó có thể hiểu.

Hỏi: Tác pháp sám hối, rút ra từ trong văn luật; quán tướng sám hối rút ra từ trong các kinh Phương Đẳng. Có thể giải thích, còn các tướng của pháp sám vô sinh là thế nào?

Đáp: Trước dẫn Phổ Hiền quán văn tức việc đó. Lại nữa, như ngài Tịnh Danh vận hỏi Ưu ba ly rằng, nên trực tiếp trừ diệt, không nên làm

nhiều loạn tâm người kia. Vì sao? Vì tánh của tội kia không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa.

Hỏi: Tâm kia như vậy, tội cũng như vậy, các pháp như vậy, không ra ngoài như; như Ưu ba ly, tâm tướng được giải thoát, liệu có còn cấu bần không? Ba ly nói không. Tịnh Danh nói: tất cả chúng sinh, tâm tướng vô cấu cũng giống như vậy. Vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh; chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh. Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa, tức là tướng ấy. Cho nên không thể như vậy. Tuy sám nhưng không thể trừ, việc như trong kệ đã nói.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Ý muốn dứt phiền não  
Không biết hỏi quán tâm  
Phiền não không hết được.*

Hỏi: Bài kệ này và bài trước có gì khác nhau?

Đáp: Bài kệ trước nói về pháp sám hối chung các tội, bài lệ này nói muốn quán sát phiền não lúc bình thường khởi lên, đó là chỗ khác nhau. Song, gỗ đá vô tâm thì không có phiền não, cho nên biết, do có tâm nên mới có phiền não, tâm là gốc của sinh tử, là nguồn của tội cấu. Nay muốn dứt phiền não, nếu không quán tâm tánh thì đâu thể lìa hoặc được; nếu thể tánh của phiền não là thật, không lường dối thì dù có quán chiếu cách nào đi nữa cũng không thể dứt bỏ được. Do thể tướng của phiền não vốn không thật, từ vọng tưởng nhân duyên hòa hợp mà có nên kinh nói: Bệnh tình hiện nay của ta đều từ phiền não vọng tưởng điên đảo đời trước sinh; do các hoặc không thật nên có thể quán chiếu để dứt bỏ, nếu không quán chiếu tướng của hoặc thì nhánh nhóc phiền não, không thể chặt bỏ.

Kệ nói:

*Những người đến cầu pháp  
Vốn muốn lợi ích người  
Không biết hỏi quán tâm  
Lui sụt, khiến người chê  
Những người đến cầu pháp  
Muốn hưng hiển Phật pháp  
Không biết hỏi quán tâm  
Lui sụt, rất hủy tổn.*

Hai bài kệ này nói, người hành đạo muốn hưng hiển Phật pháp, muốn làm lợi ích cho người, nếu bên trong không có quán tuệ thì trở



lại vô cùng tai hại. Kinh chép: vô tuệ phương tiện phước: nghĩa là Bồ tát trú nơi tham dục, sân nhuế mà thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi nước Phật đó gọi là vô tuệ phương tiện phước. Vì sao? Vì đây nói rằng, bên trong không có tuệ để tự dứt bỏ phiền não mà lại muốn giáo hóa bên ngoài, kết quả, chẳng những chúng sinh không được thành tựu mà chính mình lại tăng thêm phiền não, cho nên nói là phước. Vì sao? Vì nếu không có nội quán mà soi rọi bên ngoài thì sẽ mờ tối đối với sáu trần, tất tham tài, đắm sắc; vả lại, ngày nay, hóa độ bên ngoài chỉ là tham cầu lợi dưỡng; trải qua nhiều lợi dưỡng thì không thể không khởi tham ái lợi kỹ; lợi kỹ thì không thể không tổn hại đến tâm hỷ xả của người. Do đó, nếu không có nội quán mà đi khuyến hóa sẽ trở thành đại tổn hại. Như kệ đã nói. Lỗi lầm như thế này không phải chỉ có một. Cho nên, bài kệ kết thúc rằng: như những đước mất này, kệ không thể nói hết. Đã có những đước mất, không có người giác ngộ; vì nhân duyên như vậy, nên soạn Luận Quán Tâm.

Kệ nói:

*Đời mất tu quán tâm  
Được định tà, sinh chấp  
Biện tài không cùng tận  
Tự nói, báu nhân gian  
Người vô trí nghe qua  
Khí chồn hoang xông mắt  
Ngoắc đuôi, cùng theo nhau  
Tuần tự rơi xuống hố  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán tâm.*

Mười một bài kệ trước nói những người đến cầu pháp, không biết hỏi quán tâm, các hạnh đều không thành. Từ bài kệ này trở xuống, hai bài kệ nói, tu tập tà định phát khởi tà định, biện thuyết không cùng, không người nào khác. Song, nói 96 đạo, chỉ một đạo là chánh, ngoài ra, đều là tà ngụy. Cho nên biết rằng, các tà quá nhiều, rất khó phân biệt. Tự chẳng phải là minh sư, người trí thì ai là người chứng thực điều ấy. Ngày xưa, có người từng tu quán phát khởi ma quỷ tà định, biện thuyết vô cùng vô tận.

Hỏi: Tất cả Thiên sư, pháp sư đều không thể phân biệt được ư? Không thể suy nghĩ bàn luận, địa vị cao xa an ổn, đã được người tốt thì có thể đời. Lại tự nói rằng: Vật báu của người đời, tà tâm chuyển mạnh, chỉ có Nam Nhạc sư, mới khéo phân biệt. Nay, nội quán chiếu rõ xét

cùng, nếu là pháp tốt tự sẽ trong sáng thanh tịnh, như đốt vàng ròng; nếu là ma tà tự sẽ diệt mất, như vàng giả vậy; do đó mà quán thì ma tà sẽ đi hết; sau khi đi thì không biết gì hết. Như người bị thuốc độc nói năng đủ thứ, sau khi giải độc, người bệnh không nói một lời. Người không có trí, cho đó là được đà-la-ni, kính quý sự tu hành thứ lớp rơi xuống hố ba đường. Cho nên nói kệ: người vô trí mũi người, tuần tự rơi xuống hố, vì nhân duyên như vậy, nên soạn Luận Quán Tâm.

Kệ nói:

*Giữ mũi cách an ban  
Và tu quán bất tịnh  
An ban đắc tứ thiền  
Không thoát nghiệp mê-lê  
Bất tịnh là vô học  
Úp bát, nhận cơm nữ  
Dù được tùy thiên sinh  
Bị nạn Trường thọ thiên  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ này nói về sự tướng tu thiền điên đảo. Câu “Giữ mũi cách an ban” chỉ cho thấy tu hữu lậu, các pháp môn của tứ thiền. Câu “Và tu quán bất tịnh” tức nói tu vô lậu, các môn thiền. Giữ mũi cách tức an tâm nơi mũi. An ban là đến hơi thở, nhờ đếm hơi thở có thể đạt được bốn thiền tám định. Xưa, có một thầy tỳ kheo tu đếm hơi thở, chứng đặng Tứ thiền, liền tự cho mình là La hán, không còn tái sinh. Khi qua đời, thấy chỗ sinh của thân trung Ấm, liền báng bỏ cho Đức Phật là người nói dối rằng, La hán là vô sinh, tại sao nay ta lại thấy chỗ sinh. Vì báng bỏ Đức Phật nên bị đọa vào địa ngục. Cho nên, kệ nói: An ban đặng tứ thiền, không khỏi nghiệp mê-lê. Ngày xưa, có một thầy tỳ kheo học pháp quán bất tịnh, trong một thời gian ngắn, điều phục được tâm, khiến tướng dục không khởi, liền tự nói là đắc La hán. Sau đó, vào xóm khát thực, được cô gái dâng cơm, tâm dục phát khởi, tình mê tâm say tức là nghĩa úp bát nhận cơm người nữ. Song, đếm hơi thở chứng thiền dù không khởi lên báng bỏ, không bị đọa vào địa nhưng thiên thọ sinh, vẫn bị nạn, đó là Trường Thọ Thiên. Cho nên kệ nói: dù theo thiên thọ sinh, bị nạn Trường Thọ thiên. Nay, khuyên tu tập thiền định, muốn dựa vào tịnh tâm, khiến tuệ quán chiếu thấy rõ lỗi lầm hoạn nạn của sinh tử luống dối, biết được duyên do phát khởi của chúng liền dùng tuệ dứt bỏ, nhổ gốc sinh tử. Kinh chép: Tỳ bà xá na phá được phiền não, vì cứ

gì lại tu tập xa-ma-tha? Phật dạy: Trước dùng định động, sau dùng tuệ để nhỏ, chẳng phải tham muốn cái vui của thiền mà tu tập. Kinh chép: tham trước thiền vị là sự trôi buộc của Bồ tát.

Kệ nói:

*Nương sự pháp dụng tâm  
Không tuệ sinh định quý  
Bày lạ động tâm chúng  
Sự phát, hoại Phật pháp  
Khi chết sinh đường quý  
Quyển thuộc chín lăm thứ  
Đời tượng pháp quyết nghi  
Tam sư phá Phật pháp  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưới này nói về sự sai lầm của sự pháp dụng tâm; lại là pháp an ban sổ tức ở trên. Lại nữa, vô lý mà quán chiếu rõ nên nói là sự pháp. Đại luận gọi là ám chứng vô ký. Hữu cấu tức bốn thiền tám định. Song, cách trộm thì phải nương vào đêm tối mà thực hiện trộm cắp. Kinh nói: thí như trâu chó, ban đêm vào nhà người; nay tà ma siểm quỷ muốn trộm giết pháp thân tuệ mạng của hành giả, trộm tài sản xuất thế, thì phải nhập thiền vô tuệ, nhà tối năm Ấm. Kệ nói, nương sự pháp dụng tâm, không tuệ sinh định quý; song thiền ma định quý cũng đạt được 7 ngày, 14 ngày, cho đến vô lượng thời gian nhập định. Lại có tất cả các thứ thần dị. Người đời thấy như vậy, ai chẳng nói đó là Thánh. Chỉ có điều, pháp của tà ma, thế lực của nó không dài lâu, ngay nơi việc mà sinh ra bại hoại, khiến người sinh lòng báng bỏ, không tin Phật pháp. Nên kệ nói, bày lạ động tâm chúng, sự phát, hoại Phật pháp. Song, tự có thiền ma quý, khi ma đi rồi thì thiền cũng mất. Tự có thiền định chân chánh, nếu có ma quý nhập vào, khi chúng đi rồi, thiền vẫn tồn tại. Hai thứ thiền ma quý tuy sinh khởi khác nhau nhưng đều bị chúng sai sử, sau khi chết sẽ làm quyển thuộc của chúng. Cho nên kệ nói, khi chết sinh loài quý, làm quyển thuộc 95 thứ. Trên đây là hợp chung ba bài kệ nói về việc được mất cũng không ra ngoài Tam sư phá Phật pháp.

Kệ nói:

*Trong tâm không vì đạo  
Tà nịnh, nghĩ danh lợi  
Đối bày tướng ngòi thiền  
Thành quyển thuộc danh lợi*

*Sự phát, người mất tin  
Hủy tổn chánh đạo Phật  
Đây là phiến-đề-la  
Chết đọa ngục Vô gián  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Trước nói chung về lỗi của tam sư; từ đây trở xuống, nêu riêng lỗi của mỗi sư. Trước hết gồm hai bài kệ rưới nói rõ về lỗi của Thiên sư. Là sao? Thuở xưa có năm người cùng nhau thỏa thuận vì lợi dưỡng, phát tâm vào núi ngời thiên. Một người đi vào làng, bảo với mọi người rằng, bốn người ngời thiên trên núi đều được bốn thiên tám định, chứng đắc bốn quả tứ, tu, a và la hán, các vị nên cúng dường. Việc cáo thị đưa đến kết quả, tâm lợi dưỡng nhân đó được thỏa mãn. Năm trăm đời đọa địa ngục; năm trăm đời làm người ở cho thí chủ. Kệ nói, phiến-đề-la, tức là tên một người trong năm người đó. Cho nên kệ nói: trong lòng không vì đạo, tà nịnh, người thô tâm không biết, kẻ tế ý xét thấy, rất khó ra khỏi. Thật tâm vì đạo e rằng quá ít. Quân tử chẳng phải không ưa tài, nhưng lấy đó là vì đạo; nếu chẳng phải đạo ấy thì quân tử không làm; huống gì hạn tu đạo không thể thông cảm thần Thánh, đạt được vô sinh, nếu có đạo đức thì danh kiến lập; không cầu Phạm thiên, Phạm thiên tự đến. Đến thì trở ngại cho đạo, nên phải lìa đi. Sao lại có tâm, chớ miếu, ở trong thế tình mà rơi đọa.

Kệ nói:

*Nói pháp được giải thoát  
Chúng nghe pháp cũng vậy  
Không biết hỏi quán tâm  
Như người đếm bạc giùm  
Người nói, hỏi quán tâm  
Không nói, cũng không bày  
Người nghe, hỏi quán tâm  
Không nghe, cũng không được  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưới này nói việc được mất của Pháp sư. Phần trước nói chung về lỗi của pháp sư vì lợi mà hoằng pháp. Lỗi mất vị chân đạo như đã nói. Ở đây, lại tóm tắt riêng về được mất. Tuệ của viên quán tiềm lưu mà nói, nêu bày thần khẩu của kia; đây thời tình lự trống rỗng, du tâm phù hợp, được giải thoát. Người nghe, nội tu viên quán, lý là thần

ngự, tiềm thống thần nhĩ, khai phù hưởng hội. Cho nên, kệ nói: chúng nghe pháp cũng vậy. Nếu không có lý này mà nói, thì dù cả năm nghe ngóng, đến suốt cuộc đời, chẳng có lợi ích gì cho cả người nói lẫn người nghe. Cho nên kệ nói: không biết hỏi quán tâm, như người đếm bạc giùm. Tâm có nội quán thì suốt ngày nói mà không nói; suốt ngày nghe mà không nghe; đây là nói như huyễn; nói nghe như tiếng vang trong hang trống. Cho nên, kệ nói: người nói, hỏi quán quán tâm, không nói, cũng không bày; người nghe, hỏi quán tâm, không nghe cũng không được.

Kệ nói:

*Giới để ngăn tâm ngựa  
Dù hành năm bộ luật  
Không biết hỏi quán tâm  
Không điều phục tâm ngựa  
Luật trụ trì Phật pháp  
Hiểu ngoài, không hiểu trong  
Tịnh Danh quả thượng thủ  
Gọi là thật giữ luật  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưỡi này nói về việc được mất của Luật sư. Song, Đức Phật lúc ban đầu ở nơi đạo tràng tịch diệt, thành Đẳng chánh giác, vì các bậc đại căn, đại hạnh mà chế giới; nói mười giới trọng và 48 giới khinh, chính là ngăn ngừa nơi ý cho nên tâm là giới thể. Tiếp đến, vì tiểu căn tiểu hạnh mà chế giới, nói 250 giới; hoặc ngăn ngừa thất chi tác pháp phát vô tác giới; Do đó lấy vô tác làm giới thể, ý muốn dắt dẫn hàng tiểu căn, dần dần vui vẻ nên nói tiểu giới. Kinh Pháp Hoa chép: mới thấy thân ta, nghe ta nói liền sinh lòng tin nhân, vào tuệ của Như Lai; trừ người mới đầu tu tập, hỏi hỏi Tiểu thừa, nay ta cũng muốn cho họ được vào tuệ của Phật. Thử kiến, tức Hoa Nghiêm nhập vào Như Lai tuệ; tiệm nhập tức trải qua năm vị trong ba tạng, đối với Pháp Hoa nhập vào tuệ của Phật. Cho nên biết rằng, Luật trong năm bộ là một tạng trong phương tiện của Tiểu thừa. Vả lại, tâm là gốc của sinh tử Niết-bàn, nguồn của muôn vật, do đó giới Đại thừa chính là ngăn ngừa ý, chế phục tâm ngựa. Nay các thầy học luật không tìm hiểu bốn ý của Đức Phật mà chỉ tồn chấp các giới phương tiện cho là chánh đạo; không nghiên cứu tâm, niệm xứ quán hành chế tâm; cuối cùng không được trở về nguồn tịnh, điều phục tâm ngựa. Thất chi để đề phòng bên ngoài;

ý địa để đề phòng bên trong; Ba ly hiểu ngoài mà không hiểu trong, bị Tịnh Danh vặn hỏi. Thời nay, người thông thạo luật e rằng quá ít; thế thì đâu thể làm người giữ gìn Phật pháp được.

Kệ nói:

*Tụng kinh được giải thoát  
 Chẳng vì lợi thế gian  
 Nếu biết hỏi quán tâm  
 Đập vỡ hạt bụi nhỏ.  
 Lấy quyển kinh Đại thiên  
 Thọ trì và đọc tụng  
 Nghe giữ, không quên mất  
 Tâm mở, được khai thoát  
 Vì nhân duyên như vậy  
 Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưỡi này nói việc được mất của việc tụng kinh. Tại sao Đức Phật đối với những điều không thể nói mà lại tạm nói? Vì muốn chỉ bày gốc bệnh của chúng sinh, chỉ bày phương pháp trị liệu đặc biệt mà khuyên răn bốn chúng đọc tụng; khiến thường đọc tụng; khiến thường nghe; thường thâm tóm nơi thần tâm, thường uống thuốc hay, dứt bệnh phiền não, giải thoát sinh tử; chẳng phải khiến đọc tụng để nghĩa đến lợi dưỡng. Cho nên, kệ nói: tụng kinh được giải thoát, chẳng vì tài lợi thế gian. Kinh nói: Đập vỡ hạt bụi nhỏ, lấy quyển kinh Đại thiên tức là hạt bụi tâm lấy ra Đại thiên kinh. Xưa nói: Kinh, Ấn Độ gọi là Tu-đa-la, danh bao gồm năm nghĩa; nói về tâm là Tu-đa-la, bao gồm 15 nghĩa, nên không thể phiên dịch. Vì sao? Vì xưa nói: một là gốc của pháp, nay nói là gốc giáo, gốc nghĩa, gốc hành. Song, gốc đâu có thể vượt qua tâm? Kinh chép: ba cõi không có một pháp nào khác, đều do một tâm tạo; bàn về giáo lý Niết-bàn và sinh tử thì tâm là gốc của giáo; nghĩa sinh tử Niết-bàn cũng chính tâm là gốc; nêu bày hành tướng sinh tử, Niết-bàn, cũng chính tâm là gốc. Cho nên biết, tâm bao gồm gốc của ba pháp. Xưa nói: hai, bao gồm vi phát. Nay nói giáo vi phát, nghĩa vi phát, hành vi phát. Vi phát, từ vi đến đại là nghĩa vi phát. Nay tâm có giáo, hạnh, nghĩa, ba sự vi phát. Xưa nói: ba, bao gồm dũng tuyền; nay nói giáo dũng tuyền, nghĩa dũng tuyền, hành dũng tuyền. Tâm này năng lưu xuất ba pháp vô tận, ví như suối phun không khô cạn. Xưa nói: bốn, là bao gồm dây mực, cắt đứt tà ngụy ái kiến; nay nói giáo tiệt tà, nghĩa tiệt tà, hạnh tiệt tà, tức nghĩa dây mực. Vì sao? Vì tâm chánh nên lời nói chánh, tức tâm giáo tiệt tà; tâm chánh nên nghĩa chánh, tức tâm nghĩa

tiệt tà; tâm chánh nên hạnh chánh, tức tâm hạnh tiệt tà. Xưa nói: năm, là gồm kết man, như kết tràng hoa khiến không bay tán; nay nói tâm, giáo, hạnh nghĩa, ba tràng hoa kết lại, khiến không bay tán. Cho nên biết rằng, tâm kia bao gồm 15 nghĩa không thể dịch, không thể luận bàn, là tâm kinh nói. Cho nên, năng quán tâm trần tức không, xuất Thanh văn pháp tạng; quán tâm tức giả, tức xuất Bồ tát pháp tạng; quán tâm tức trung, tức xuất Chư Phật pháp tạng. Đây là ba thứ pháp tạng, kinh nào không thấu nhiếp, luận nào không bao dung, tức tâm đầy đủ tám mươi bốn ngàn pháp tạng. Trì tụng nghiên cứu quán tâm kinh, có gì quên sót. Đó là quán kinh, trong trôi chảy sáng suốt, thống nhiếp tình lý, khiến tâm khai, giải thoát phiền não.

Kệ nói:

*Khuyến hóa tu cúng dường  
Hưng hiển an hành nhân  
Mật tâm là tự lợi  
Nương gá để giúp thân  
Hoại tâm hỷ xả người  
Làm ngựa lừa trả nợ  
Nếu biết hỏi quán tâm  
Thì như con ngựa khoẻ  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưới trước nói về việc muốn hưng hiển Phật pháp trở lại bị ô nhục tổn hoại, căn cứ vào người hoằng hóa các nơi. Hai bài kệ rưới này nói về biết việc được mất. Song, trừ phi tự bên trong hiểu rõ quán hành, biết nhân, biết quả, sợ tội, sợ nghiệp, thế không lợi mình. Người quán quán tâm biết muôn pháp là huyễn hóa thì có vật gì để tham, có thân nào để vì nó; tuy như huyễn hóa nhưng nhân quả không sai; trộm đến năm tiền như cây đa la bị chặt gốc, là người đã chết trong Phật pháp, không dự vào tăng số; hiện bày thì trời người chê bai, ngầm thì bậc Thánh quở trách; hiện tại thì sắc tâm sầu lo, đời sau làm kiếp lừa ngựa trả nợ. Một khi mất thân người muôn kiếp khó được lại, được lợi rất nhỏ, quả báo rất lớn; làm sao có người quán trí nào lại phạm điều này được. Còn như ngựa khoẻ tốt cuộc cũng không vì lợi mình mà mắc lỗi xâm đoạt của chúng.

Kệ nói:

*Các đạo đều có pháp  
Rõ không tự nghiên tâm*

*Bỗng dòm trộm Thích giáo  
 Trải qua mười mấy năm  
 Chẳng phải pháp kia vụng  
 Ất có tâm mưu hoại  
 Đây là Ca-tỳ-lê  
 Tiên Thánh đâu đồng minh  
 Vì nhân duyên như vậy  
 Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưỡi nói về sự được mất của ngoại đạo. Ngoại đạo trộm đọc Thích giáo không ra ngoài hai ý: một là tự cho pháp của họ là vụng kém; hai là vì âm mưu phá hoại Phật pháp. Trộm đọc để tìm chỗ sai, chẳng phải vì tâm tốt mà tìm đến Phật giáo. Ngày xưa, ngoại đạo khó lòng phá hoại tất cả pháp sư, chỉ có một Thiên sư, có bà mẹ khuyên rằng, nếu người đem các thiên sư ra luận nên nhục mạ cho rằng, thứ đầu lừa đầu ngựa, đầu thú..., thì sẽ thắng được ngoại đạo; liền theo kế của bà mẹ được thắng; về sau phải làm thân Ca-tỳ-lê, một thân ngàn đầu; đã dùng tâm ác, các chư Thánh đâu thể đồng tình. Vấn đề như kệ nói.

Kệ nói:

*Giàu có mà vô đạo  
 Tăng thêm nhiều kiêu căng  
 Nếu biết hỏi quán tâm  
 Được chân thật giàu sang  
 Tuy cao mà không nguy  
 Tuy đầy mà không tràn,  
 Không tham đời giàu có  
 Tâm thường ở đạo pháp  
 Vì nhân duyên như vậy  
 Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưỡi này nói về sự được mất của giàu có. Vì sao? Vì giàu sang chẳng chung với kiêu căng mà kiêu căng tự đến; cho nên, kệ nói: giàu có mà vô đạo, tăng thêm nhiều kiêu căng; nếu biết hỏi quán tâm mà quán sát thật tướng các cảnh; cảnh phát khởi ở nơi diệu trí, tức là chủng tánh quý; vả lại thật tướng cảnh trí đầy đủ bảy Thánh tài cho đến đầy đủ muôn đức muôn hạnh cho nên gọi là giàu. Pháp Hoa chép: có vị Đại Trưởng giả nhà rất giàu, tức là nghĩa đó. Được đạo giàu sang này, giữ gìn vững chắc thể tính, tức như kệ nói: tuy cao mà không nguy, tuy đầy mà không tràn, không tham đời giàu có, tâm thường ở đạo pháp, v.v...



Kệ nói:

*Nghèo hèn nhiều gian nịnh  
Dòm ngó gây các ác  
Hiện bị phép vua trị  
Chết đọa vào ba đường.  
Nếu biết hỏi quán tâm  
Sẽ chịu nghèo giữ đạo  
Có đạo tức giàu có  
Vô vi tức giàu vui  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưỡi này nói về sự được mất của người nghèo. Vì sao? Vì nếu bên trong không có đạo quán tuệ chiếu sáng lòng dạ thì hẳn là tối tăm. Do tâm tối nên không biết nhân quả sinh tử Niết-bàn của thế gian và xuất thế gian; lại còn bị nghèo hèn đói rét bức bách nên sinh ra dòm ngó, gian nịnh gây ra các việc ác. Kệ nói: hiện bị phép vua trị, chết đọa vào ba đường. Nếu có tâm quán chiếu liền biết do nhân xưa đến quả báo hiện tại; không gây thêm các điều ác để phải chịu lấy khổ trong ngày sau nữa. Chỉ lo an thân dưỡng đạo. Cho nên, kệ nói: có đạo thì giàu có, vô vi tức giàu vui.

Kệ nói:

*Bốn chúng đều Phật tử  
Đều là quyến thuộc pháp  
Vì tranh chấp pháp lành  
Tạo oán kết đời sau  
Nếu biết hỏi quán tâm  
Hòa hiệp như nước sữa  
Đều là con sư tử  
Đều là rừng chiên đàn  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưỡi này nói việc tam sư, mỗi vị tự chấp lấy các pháp do mình mở mang truyền bá mà sinh khởi đúng sai, chồng chất thêm oán hận cho đời sau. Ở trước, luận đã nêu lỗi một cách tóm tắt; nhưng các ngoại đạo vẫn chấp chặt quan điểm riêng của mình. Cho nên nói: việc đó là thật, còn các việc khác đều nói dối; cho nên phần lớn các đạo đều tà vạy, mà chỉ có một đạo thật tướng ẩn của Phật pháp là chánh. Kinh chép: đạo rất ráo, duy nhất; không có nhiều rất ráo. Cho nên kinh

lại chép: tuy chỉ bày nhiều đạo nhưng kỳ thật chỉ có Nhất thừa. Nay, các sư không nắm lấy nhất đạo đó để cùng nhau thoát khỏi thân bằng pháp quyền trong ngũ tối sinh tử, chỉ bo bo chấp lấy đạo lý chung chung, kết buộc đúng sai, thêm oán hận, còn gì ngu hơn. Cho nên kệ nói: kết oán cừu cho đời sau; chẳng những luống uổng một đời, còn tự trói khổ vào mình; lại khiến học đồ lầm lẫn, đánh mất tuệ, thầy trò đều chẳng khác ngoại đạo. Cho nên nói: các luận có đầu mỗi khác nhau nhưng tu hành lý vốn không hai. Thông đạt đúng sai thì không trái chống; các sư chỉ chấp mà không thông đạt. Nếu quán tâm thật tướng, tu tập một đạo, bốn chúng đều là pháp quyền. Việc như kệ nói.

Kệ nói:

*Tuổi cao thân thường bệnh  
Mắt mờ, ta lỉnh lảng  
Tâm trí thường quên sót  
Mỗi năm một khác đi  
Thần chết chim cánh vàng  
Chẳng lâu, nướng mạng căn  
Một mai, dây nghiệp đứt  
Đâu còn có nói năng  
Vì nhân duyên như vậy  
Nên soạn Luận Quán Tâm.*

Hai bài kệ rưới này nói việc Sư tự tuyên bố rằng đã đến lúc Niết-bàn. Song, từ đầu cho đến đây, còn thuộc phần tựa, tuy chưa nói về ý nghĩa sâu xa, nhưng trước cũng đã nói về sự được mất của ba sư, bốn chúng. Lời nói tuy thấp cạn nhưng chính nơi yếu hạnh sở hành là chướng ngại lớn của Đạo gia. Hành giả biết được những lỗi lầm, nếu sửa đổi thì gọi là người chân hành đạo; tuy chưa chứng vô sinh nhưng vô sinh không còn xa. Hai muôn Đức Phật đăng minh trong một kỳ sẽ xong; vả lại nói Pháp Hoa liền nhập Niết-bàn. Đức Thích-ca cũng vậy, đặc biệt vì một nhân duyên mà nói Niết-bàn. Nay Đại sư một lúc tùy duyên, nói nhiều thứ khác nhau; do vậy, khi sắp Niết-bàn, tóm tắt thành một bộ luận. Vì sao? Vì luận này đầu cuối khiến người ta quán tâm chỉ là tâm, là Như Lai tạng, đầy đủ tất cả Phật pháp mà chúng sinh không biết trong túi áo có hạt châu báu vô giá, nay luận chỉ bày trong tâm chúng sinh vốn có tri kiến Phật; Thị và Ngộ chúng sinh không khác với Pháp Hoa. Nói suy già là ý muốn nhập Niết-bàn, do đó nói xong luận này thì quy chân diệt độ, không nói năng nữa.

Từ “Cúi lạy Phật mười phương trở xuống bốn bài kệ là nói về quy

mạng kính thỉnh. Vì sao? Vì thông thường, muốn soạn luận thì phải quy kính Tam bảo, nhờ oai thần che chở kiến lập.

Kệ nói:

*Cúi lạy Phật mười phương  
Thương xót người quán tâm  
Khuyên khéo quán sát kỹ  
Khởi diệu lạc Chánh giác.*

Bài kệ này là quy thỉnh Phật. Song Tam bảo đều đầy đủ bốn tâm vô lượng, nhưng, Từ là ban vui. Lòng tử của Phật rất lớn nên thỉnh Phật ban vui.

Kệ nói:

*Cúi lạy pháp mười phương  
Được xót người quán tâm  
Khuyến khéo quán sát kỹ  
Được thật pháp, khởi khổ.*

Bi là dứt khổ; pháp bảo là chân diệu lạc, thể có tính cứu khổ cho nên thỉnh pháp giúp người quán tâm khởi khổ.

Kệ nói:

*Cúi lạy Tăng mười phương  
Nếu hay khéo quán sát  
Vào biển đạo hòa hợp  
Tâm vui mừng vui lượng.*

Tăng là hòa hợp, tức đồng nghĩa với tùy hỷ, nên đối với Tăng luận và hoan hỷ.

Kệ nói:

*Cúi lạy ngài Long Thọ Xin  
che chở quán tâm Khiến  
mau được giải thoát Và  
khiến xả ba tâm.*

Nhưng Long Thọ chính là phá chấp, trừ kiến mà hưng khởi. Thỉnh Long Thọ che chở cho để xả bỏ ba tâm: từ, bi, hỷ, và sự đấm trước kiến ái. Lại nữa, tông bản là ở Long Thọ cho nên thỉnh che chở.

Kệ nói:

Nay nương lực Tam bảo trở xuống một hàng nói, sau khi quy kính Tam bảo, kể đến nương nhờ năng lực Tam bảo, nêu lên ba mươi sáu câu hỏi. Ba mươi sáu câu hỏi nói ý nghĩa vừa tóm lược đầy đủ nêu nêu lên. Nếu tùy duyên đối sự mà vấn biện thì không thể đếm được.

Kệ nói:

Nếu quán một niệm tâm trở xuống một hàng nói nếu người quán nhất niệm tâm đáp được những câu hỏi này thì nên biết người đó, tâm nhãn đã khai mở, được vào ao mát mẻ.

Kệ nói:

Không thể đáp được những câu hỏi này trở xuống một hàng là nói người mê hoặc không thể đáp được.

Buồn thay trong đời mạt pháp trở xuống một hàng là lời thương than, nói về đời mạt pháp không có người hành đạo.

Đầu có được ba lần, đầu khác những câu hỏi, là lời thương than. Kệ nói:

Cho nên sinh tâm thương xót trở xuống một hàng là e ngại cho hậu sinh không có người biện giải nên sinh lòng thương soạn Luận Quán Tâm này khiến cho người quán được khai mở.

Xin những người thấy nghe trở xuống một hàng là lời khuyên chẳng nên nghi ngờ, chê bai. Vì sao? Vì như trong kinh Pháp Hoa có nói vấn tắt rằng, sợ sinh điều nghi ngờ, chê bai báng bổ cho nên ba lần bảo ngưng, ngưng sự báng bổ kia. Bởi vì đã không được hiểu biết lại còn mắc phải tội nặng. Trong phần sau nói rất rộng, tuy nghiêm khắc khuyên bảo vẫn có năm ngàn người rời đứng dậy khỏi chỗ ngồi ra đi, không tin lời Phật.

Nay muốn khai mở đầu mối của luận, sợ có người nghi báng cho nên khuyên nhắc trước.

Từ hỏi rằng trở xuống có mười ba dòng trường hàng với bốn chữ là hỏi lại, soạn luận là người nào; đáp ý không phải là hai người mà lại hai người. Không là hai người: một là văn tự ngoại học, như người nghèo đếm bạc, chỉ biết vào ta ra miệng, không thường nghiêm tâm nội quán, chưa đủ để luận bàn về viên đạo. Hai là dù người được bốn thiền tám định cũng chưa hoàn toàn biết Phật pháp, hướng là kẻ sơ tâm an ban số tức, làm sao có thể cùng nhau luận bàn diệu đạo được. Nói là hai người, một là người ngồi thiền, chứng định, phát khởi hiểu biết, biện thuyết nói là đắc; chưa chứng nói là chứng, rơi vào tầng thượng mạn. Hai là vì lớp học đồ không biết đạo ở trong tâm, đắm trước văn tự bên ngoài, mang kinh luận đi khắp nơi, không được lợi ích. Không biết đập vỡ một hạt bụi hiện ra quyển kinh đại thiên. Vì hai hạng người nầy nên soạn luận.